TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29a/2019/DS-PT
Ngày: 29-5-2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thiên Hương và bà Nguyễn Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nàng Hương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019; Thông báo hoãn phiên tòa số 06/2019/TB-TA, ngày 25/4/2019; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Võ Thị B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953.

Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng:

1/ NLC1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2/ NLC2, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà B, bà L, NLC1, NLC2, vắng mặt ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13/12/2016 bà có cho ông T, bà L vay số tiền 730.000.000 đồng hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Tại thời điểm đó các bên thỏa thuận vay không có lãi. Ông T, bà L đã nhận đủ tiền vào cùng ngày ký giấy viết tay là ngày 13/12/2016, có đưa các bản chính 3 giấy tờ như sau để làm tin:

1/ Tờ bản đồ trích đo đạc địa chính do công ty TNHH Suối Cát (về việc thỏa thuận mua bán đất do công ty Hoàng Sơn đo và ký năm 2016)

2/ Hợp đồng giao đất và nhận đất giữa bà L và ông S là giám đốc công ty TNHH Suối Cát đề ngày 07/01/2014.

3/ Biên bản họp các hội đồng thành viên của công ty TNHH Suối Cát về việc thỏa thuận bán đất vào ngày 01/10/2013.

Hiện các giấy này nguyên đơn vẫn đang giữ.

Đến hạn trả nợ ông T, bà L không trả tiền cho bà mặc dù bà đã đến gặp đòi tiền nhiều lần. Nay bà B yêu cầu bà L, ông T phải trả cho bà số tiền gốc là 730.000.000 đồng và bà yêu cầu bà L, ông T trả số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/12/2016 đến ngày xét xử với mức lãi 1,125%/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy L và người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Vào đầu tháng 12/2016, ông bà có đặt vấn đề với bà B, mượn bà B số tiền 600.000.000 đồng để giải quyết số nợ mà ông bà đang vay lãi suất cao phục vụ cho công ty Suối Cát. Sau đó ngày 13/12/2016 bà B có đến nhà và đồng ý cho vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn 5 tháng và trả lãi trước trong hợp đồng ghi nợ, tổng cộng gốc và lãi sẽ là 735.000.000 đồng và yêu cầu ông bà cùng ký giấy, đồng thời phải thế chấp cho bà B 2 tờ giấy mà công ty Suối Cát đại diện là ông Nguyễn Văn S đã ký nợ với bà L. Sau khi ông bà ghi giấy xong thì bà B nói để đem về thỏa thuận với bạn cùng đưa tiền ra cho ông bà. Lúc bấy giờ, ông bà không đồng ý cho bà B cầm tờ giấy nợ đem về, bà B có giải thích là đem về cho bạn xem, khi nào giao tiền thì bà B mới giữ giấy tờ làm tin và bà B còn nói khi giao tiền, ông bà còn phải lăn tay và ghi "Tôi đã nhận đủ số tiền trên". Sau đó 2 ngày bà B điện thoại

nói không gom được tiền và báo khi nào đủ mới tới cho ông bà mượn tiền. Đến nay ông bà không nhận 1 đồng nào của bà B và hiện tại những giấy tờ thế theo thỏa thuận ông bà vẫn đang giữ ở nhà. 3 giấy tờ mà bên nguyên đơn khai đang giữ là ông bà đang thế cho NLC2 vào ngày 05/5/2018 để vay số tiền 80.000.000 đồng. Ông bà đang nhờ Tòa án của huyện Hàm Thuận Nam giải quyết việc NLC2 cố tình không trả giấy tờ trên và NLC2 khai đang thế chấp 3 giấy tờ này cho vợ chồng bà B. Nay bà B có đơn khởi kiện yêu cầu ông bà trả 730.000.000 đồng, ông bà không đồng ý vì không nợ bà B.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 41/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018, quyết định:

Căn cứ: Khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 227, Điều 233 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 427, Điều 471, Điều 472, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ Luật dân sự 2005; Điều 468, Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Võ Thị B số tiền là 752.812.500 đ (Bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). Trong đó tiền gốc là 730.000.000 đ (Bảy trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 22.812.500đ (Hai mươi hai triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T phải nộp 34.112.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị B phải nộp 8.304.000 đồng án phí đối với phần lãi suất không được chấp nhận. Ngày 25/7/2018, bà Võ Thị B đã nộp 20.398.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0023437 ngày 25/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết, hoàn trả cho bà B số tiền 12.094.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T là bà Võ Thị Hồng H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**:

Bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Văn T do bà L đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý trả tiền cho bà Võ Thị B do ông T, bà L chưa nhận tiền.

Bà Võ Thị B không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L. Theo bà B, bà đã giao tiền vay cho ông T, bà L nên hai người mới viết và ký giấy nhận nợ; bà yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, ông T.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa phúc thẩm, Căn cứ kết quả tranh tụng và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T trả cho bà B số tiền nợ gốc là 730.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,125%/ tháng; bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Văn T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B vì ông, bà chưa nhận tiền. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", đồng thời xác định người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác nhận ngày 23/12/2016, bị đơn đã viết và ký "*Giấy mượn tiền*" với nội dung "*tôi tên Nguyễn Thị Thùy L + Nguyễn Văn T vợ chồng chúng tôi có mượn của cô Võ Thị B với số tiền: 730.000.000 đ (bảy trăm ba chục triệu)"* đã ký tên Nguyễn Thị Thùy L, Nguyễn Văn T. Nguyên đơn xác định đã giao tiền nên bị đơn mới viết giấy xác nhận nợ. Còn bị đơn lại khai chỉ mới viết giấy mượn, chưa nhận tiền nên trong giấy không có nội dung đã nhận tiền; nguyên đơn yêu cầu phải viết giấy mượn tiền để nguyên đơn vay nơi khác cho bị đơn vay lại nên bị đơn đã viết nội dung trên. Xét thấy, "*Giấy mượn tiền*" nêu trên có nội dung thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Văn T "*có mượn của cô Võ Thị B với số tiền 730.000.000đ*", đã thể hiện bị đơn đã nhận tiền nên mới xác nhận "*có mượn*". Tại tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn khai chưa nhận tiền nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho

lời khai của mình là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung "*Giấy mượn tiền*" để xác định bị đơn đã vay nguyên đơn số tiền 730.000.000 đồng vào ngày 13 tháng 12 năm 2016 là đúng pháp luật.

[3] Nguyên đơn khai cho vay không lấy lãi với thời hạn 10 ngày kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2016. Bị đơn khai hai bên thỏa thuận vay với lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn vay 5 tháng kể từ ngày nhận tiền. Lời khai của hai bên không thống nhất, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào "*Giấy mượn tiền*" không có nội dung về thời hạn vay, lãi suất vay để xác định hợp đồng vay giữa hai bên là loại hợp đồng vay không thời hạn và không có lãi suất là đúng quy định pháp luật.

[4] Nguyên đơn khai bị đơn chưa trả số nợ đã vay 730.000.000 đồng. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn đã trả tiền vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ vay 730.000.000 đồng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Về yêu cầu tính tiền lãi, nguyên đơn khai cho vay có thời hạn 10 ngày nên yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn từ ngày 23/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,125%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung "Giấy mượn tiền" để xác định loại hợp đồng vay không thời hạn, không có lãi suất và căn cứ khoản 4 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005, buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ (ngày 09/7/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 9%/năm là đúng quy định.

[6] Tại tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn khai khi nguyên đơn cho mọi người vay tiền, nguyên đơn đều buộc bên vay phải giao giấy tờ hoặc tài sản làm tin. Bị đơn chưa giao giấy tờ, tài tài sản nào cho nguyên đơn nên không có việc nguyên đơn giao tiền cho bị đơn. Tại "*Giấy mượn tiền*" có ghi nội dung là nguyên đơn đã nhận thế chấp một số giấy tờ, tài sản của bị đơn; nội dung này được ghi phía dưới chữ ký của bị đơn và được nguyên đơn thừa nhận là do nguyên đơn ghi vào sau khi bị đơn viết "*Giấy mượn tiền"*. Bị đơn không thừa nhận đã giao các giấy tờ, tài sản cho nguyên đơn nên không có căn cứ để xác định bị đơn đã giao giấy tờ cho nguyên đơn để làm tin khi vay tiền trong vụ án này. Việc nguyên đơn đang giữ một số giấy tờ của bị đơn là trong giao dịch khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Tình tiết bị đơn không giao giấy tờ tài sản cho nguyên đơn không đủ cơ sở để xác định bị đơn chưa nhận tiền vay vì đây là hợp đồng vay tiền, pháp luật không quy định phải có tài sản bảo đảm. Vì vậy, ý kiến của bị đơn là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

[7] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 23/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này và buộc nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng số tiền này là đúng quy định, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên trong phần Quyết định bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần này là thiếu sót. Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm về nội dung này.

[8] Với nhận định trên, kháng cáo của bị đơn không đủ căn cứ để chấp nhận. Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy L; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST, ngày 14/11/2018 của tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị B số tiền là 752.812.500 đồng. Trong đó tiền gốc là 730.000.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 22.812.500 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*). Chia phần bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị B số tiền là 376.406.250 đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng)*.

Kể từ ngày 30/5/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền lãi 160.500.000 đồng của bà Võ Thị B đối với bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T phải nộp 34.112.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 17.056.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị B phải nộp 8.304.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 20.398.000 đồng theo biên lai số 0023437 ngày 25/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết, hoàn trả cho bà B số tiền 12.094.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0023979 ngày

21/12/2018 và 0023768 ngày 26/11/2018, của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/5/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA (02 bản), THA cấp huyện;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP - Tòa án tỉnh;
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa